

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH GIA LAI**

Bản án số:01/2022/HNGĐ-ST

Ngày 27/01/2022

“V/v ly hôn, tranh chấp
nuôi con ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K , TỈNH GIA LAI**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Phương Linh

2. Bà Phùng Thị Tố Trinh

-Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Giang– Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K – Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay San – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 88/2021/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc “ *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Rơ Ô H’L , sinh năm 1995

Nơi cư trú: Buôn H’L , xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai

Vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Rah Lan T, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Buôn H’L, xã C, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai

Vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Rơ Ô H’L trình bày:

Chị Rơ Ô H’L và anh Rah Lan T xuất phát từ tình cảm yêu thương tự nguyện về chung sống từ năm 2012, có tổ chức đám cưới theo phong tục Jrai nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khoảng thời gian chung sống với nhau hạnh phúc thì đến năm 2021 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống và tính tình không hợp nhau, không còn chung chí hướng để xây dựng hạnh

phúc gia đình. Chị Rơ Ô H'L và anh Rah Lan T đã bỏ nhau theo phong tục Jrai từ ngay sau khi xảy ra mâu thuẫn, hiện tại đang sống ly thân. Nay để ổn định cuộc sống, chị Rơ Ô H'L yêu cầu được ly hôn với anh Rah Lan T theo quy định của pháp luật.

Về con: Chị Rơ Ô H'L và anh Rah Lan T có 01 con chung là cháu Rơ Ô Hà A, sinh ngày 09/6/2014. Nguyên vọng của chị Rơ Ô H'L là được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm nom và giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Rơ Ô H'L không yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và thực hiện chung về nghĩa vụ tài sản: Chị Rơ Ô H'L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải anh Rah Lan T trình bày ý kiến như sau: Anh T và chị Rơ Ô H'L tự nguyện về chung sống xuất phát từ tình cảm yêu thương nhau, có tổ chức đám cưới theo phong tục người Jrai. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và hiện tại đang sống ly thân, không còn tình cảm với nhau nữa như chị H'L trình bày là đúng.

Về con: Anh Thương và chị Rơ Ô H'L 01 con chung là Rơ Ô Hà A, sinh ngày 09/6/2014. Anh T đồng ý giao con chung cho chị Rơ Ô H'L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm nom và giáo dục.

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên toà Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên toà cho đến trước khi nghị án; đương sự cũng có thái độ chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật tố tụng.

Nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm: Áp dụng các Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228, 238, 266 và Điều 273 của BLTTDS và các Điều 9, khoản 1 Điều 14, 15, 57, 81, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử không công nhận chị Rơ Ô H'L và anh Rah Lan T là vợ chồng.

- *Về con*: Chị Rơ Ô H'L và anh Rah Lan T có 01 con chung là cháu Rơ Ô Hà A, sinh ngày 09/6/2014. Chị Rơ Ô H'L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm nom và giáo dục con chung. Đây là ý chí tự nguyện của đương sự cũng như phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên nên HĐXX cần chấp nhận.

- *Về cấp dưỡng*: Anh Rah Lan T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị H'L không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

- *Về án phí*: Căn cứ khoản 4, Điều 147 BLTTDS năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Rơ Ô H'L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và nguyên đơn chị Rơ Ô H'L khởi kiện bị đơn anh Rah Lan T có nơi cư trú tại xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án thì Tòa án cho đến khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn và bị đơn đều được triệu tập hợp lệ và có mặt để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tuy nhiên tại phiên tòa, nguyên đơn chị Rơ Ô H'L và bị đơn anh Rah Lan T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét đây là ý chí tự nguyện của các đương sự, phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự. Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án cũng như trong đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn để quyết định. Các đương sự phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Rơ Ô H'L và anh Rah Lan T đi đến hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2021, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau này cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị H'L và anh T đã sống ly thân, không còn thương yêu, quan tâm nhau nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Ngày 03/12/2021 Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai nơi chị Rơ Ô H'L và anh Rah Lan T sinh sống về việc có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật hay không. Kết quả xác minh cho thấy chị Rơ Ô H'L và anh Rah Lan T sống chung không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của luật này”.

Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Quyền, nghĩa vụ giữa nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng và con được giải quyết theo quy định của Luật này về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con”.

Như vậy, chị H'L và anh T chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị H'L và anh T là không hợp pháp nên phải được giải quyết bằng bản án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H'L và anh T là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[3.2] *Về con*: Chị Rơ Ô H'L và anh Rah Lan T có 01 con chung là Rơ Ô Hà A, sinh ngày 09/6/2014. Chị Rơ Ô H'L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm nom và giáo dục con chung. Đây là ý chí tự nguyện của đương sự, phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên và cũng phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, nên HĐXX chấp nhận.

[3.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tòa án đã giải thích cho chị Rơ Ô H'L về quyền của người trực tiếp nuôi con và người không trực tiếp nuôi con, quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên chị H'L vẫn giữ nguyên quan điểm của mình không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Do đó, anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[3.4] *Về tài sản chung và thực hiện các nghĩa vụ chung về tài sản*: chị Rơ Ô H'L và anh Rah Lan T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Rơ Ô H'L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; 238; 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 51, Điều 53, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Rơ Ô H'L và anh Rah Lan T.

- *Về con*: Giao con chung là Rơ Ô Hà A, sinh ngày 09/6/2014 cho chị Rơ Ô H'L được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- *Về cấp dưỡng*: Anh Rah Lan T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con

Sau khi ly hôn anh Rah Lan T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H'L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Tg.

Chị Rơ Ô H'L cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* Chị Rơ Ô H'L và anh Rah Lan T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

-*Về án phí:* Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Rơ Ô H'L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004805 ngày 22/11/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Chị Rơ Ô H'L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Rơ Ô H'L và anh Rah Lan T có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Gia Lai(01 bản);
- VKSND huyện Krông Pa (02 bản);
- Chi cục THADS huyện (01 bản);
- UBND xã Chư Rcăm (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu hồ sơ/VP (02 bản).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Dung

